

Bản án số: 384/2019/DS-ST

Ngày: 24-9-2019

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 - TP. HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Anh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Lệ Quyên;
2. Ông Mai Nhật Chương.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Ngọc Phương – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, địa chỉ 27 đường Thành Thái, Phường 14, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” thụ lý số 149/2019/TLST-DS ngày 17 tháng 4 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 142/2019/QĐST-DS ngày 06 tháng 8 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số: 105/2019/HPT-DS ngày 28 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng X

Địa chỉ trụ sở: đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà L, sinh năm 1984 (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Theo Giấy ủy quyền số 1199/2019/UQ-TTT ngày 10/7/2019.

- Bị đơn: Bà Y, sinh năm 1985 (Vắng mặt).

Địa chỉ: đường Cao Thắng, Phường 12, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện của Ngân hàng X, các bản khai và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Ngày 09/4/2010, bà Y có ký với Ngân hàng X hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này

được gọi chung là Hợp đồng), loại thẻ Visa, số thẻ 486265-7659 hạn mức tín dụng là 14.000.000 đồng, lãi suất 2,15%/tháng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà Y đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 13.850.000 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà Y đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 3.200.000 đồng. Số tiền trên được thanh toán áp dụng theo Điều 20 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà Y vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà Y vi phạm nghĩa vụ thanh toán (quy định tại Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) nên ngày 19/3/2011, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (quy định tại Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 17.452.818 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 150 % của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại.

Tính đến ngày 24/09/2019, bà Y còn nợ ngân hàng Sài Gòn Thương Tín số tiền là 57.258.410 đồng, trong đó nợ gốc là 17.452.818 đồng, nợ lãi quá hạn là 39.805.592 đồng. Mặc dù, Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với bà Y, yêu cầu bà Y có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để bà Y trả nợ, tuy nhiên bà Y vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký.

Do đó, Ngân hàng X yêu cầu bà Y phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 24/9/2019 là 57.258.410 đồng trong đó nợ gốc là 17.452.818 đồng, nợ lãi quá hạn là 39.805.592 đồng. Ngoài ra bà Y có trách nhiệm thanh toán khoản tiền lãi phát sinh từ ngày 25/09/2019 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Bị đơn bà Y không tới Tòa hòa giải, vì vậy Tòa tiến hành đưa vụ án ra xét xử.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 10 phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử thực hiện các thủ tục xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp trong vụ án theo đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng X cho bà Y mở thẻ tín dụng để tiêu dùng là quan hệ tranh

chấp về hợp đồng vay tài sản, theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ ghi trong hợp đồng tại Quận 10. Theo quy định pháp luật thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10.

Xét thấy nguyên đơn Ngân hàng X có giấy ủy quyền cho bà L đại diện tham gia tố tụng, giấy ủy quyền phù hợp quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận tư cách tham gia tố tụng của bà L; tại phiên tòa bà L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào điểm a, khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt nguyên đơn.

Bị đơn bà Y, sinh năm 1985 có địa chỉ ghi trong hợp đồng là ở địa chỉ: đường Cao Thắng, Phường 12, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh. Tòa án nhân dân Quận 10 đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng tại địa chỉ trên nhưng bị đơn không đến tòa. Căn cứ vào điểm b, khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và căn cứ vào điểm a, khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 193 Bộ luật tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án; Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp: Ngày 09/4/2010, bà Y có ký với Ngân hàng X, hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là hợp đồng), loại thẻ Visa, số thẻ 486265-7659 hạn mức tín dụng là 14.000.000 đồng, lãi suất 2,15%/ tháng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà Y đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 13.850.000 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà Y đã thanh toán cho Ngân hàng X số tiền 3.200.000 đồng. Số tiền trên được thanh toán áp dụng theo Điều 20 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng X. Qua nhiều lần làm việc, bà Y vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà Y vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng X nên ngày 19/3/2011 Ngân hàng X đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn theo Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Ngân hàng X đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 17.452.818 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 150 % của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại.

Tính đến ngày 24/9/2019, bà Y còn nợ ngân hàng số tiền là 57.258.410 đồng, trong đó nợ gốc là 17.452.818 đồng, nợ lãi quá hạn là 39.805.592 đồng. Mặc dù Ngân hàng X đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với bà Y, yêu cầu có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để trả nợ, tuy nhiên bà Y vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng X, vi phạm các điều khoản đã quy định tại hợp đồng đã ký.

Do đó Ngân hàng X yêu cầu bà Y phải trả ngay cho Ngân hàng X tổng số tiền tạm tính đến ngày 24/9/2019 là 57.258.410 đồng, trong đó nợ gốc là 17.452.818 đồng, nợ lãi quá hạn là 39.805.592 đồng.

- Bà Y có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 25/9/2019 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì: Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất; còn theo quy định tại Điều 280 Bộ luật dân sự năm 2015 thì: Nghĩa vụ trả tiền phải được thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn, đúng địa điểm và phương thức đã thỏa thuận, nghĩa vụ trả tiền bao gồm cả tiền lãi trên nợ gốc. Vì vậy Ngân hàng X yêu cầu tòa án xét xử, buộc bà Y phải thanh toán ngay, dứt điểm số nợ tính đến ngày 24/9/2019 là 57.258.410 đồng, trong đó nợ gốc là 17.452.818 đồng, nợ lãi quá hạn là 39.805.592 đồng và bà Y phải thanh toán tiền lãi phát sinh từ ngày 25/9/2019 cho đến khi thanh toán hết nợ theo lãi suất quy định tại hợp đồng là phù hợp các quy định pháp luật, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, vì vậy Ngân hàng X không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho Ngân hàng X số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn bà Y phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b, khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 280; khoản 1 Điều 357; Điều 463; khoản 1, 5 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và danh mục mức án phí, lệ phí tòa án ban hành kèm theo;

- Áp dụng điểm a, khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 193 Bộ luật tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án.

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng X.

Bà Y phải thanh toán dứt điểm cho Ngân hàng X số tiền còn nợ tính đến ngày 24/9/2019 là 57.258.410 (năm mươi bảy triệu, hai trăm năm mươi tám nghìn, bốn trăm mười) đồng, trong đó nợ gốc là 17.452.818 (Mười bảy triệu, bốn trăm

năm mươi hai nghìn, tám trăm mười tám) đồng, nợ lãi quá hạn là 39.805.592 (Ba mươi chín triệu, tám trăm linh năm nghìn, năm trăm chín mươi hai) đồng; bà Y còn phải thanh toán tiền lãi phát sinh từ ngày 25/9/2019 cho đến khi thanh toán hết nợ theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm: 2.862.920 (hai triệu, tám trăm sáu mươi hai nghìn, chín trăm hai mươi) đồng bà Y phải chịu.

Ngân hàng X không phải chịu án phí. Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí 1.275.730 (Một triệu, hai trăm bảy mươi lăm nghìn, bảy trăm ba mươi) đồng cho Ngân hàng X, theo biên lai thu số 0040978 ngày 26/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Thời hạn kháng cáo đối với bản án là 15 ngày kể từ ngày các đương sự nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 10;
- Chi cục THADS Quận 10;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Anh Tuấn